

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT ĐIỆN LỰC SỐ 61/2024/QH15

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 94/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

1. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 3 như sau:

“3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Điện lực số 61/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật này) và luật khác được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành về cùng một vấn đề liên quan đến hoạt động điện lực thì thực hiện theo quy định của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và Luật này, bao gồm quy định tại Điều 13, Điều 15, Điều 18 và Điều 19 của Luật này.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 13 như sau:

“b) Amoniac được sản xuất từ nguồn điện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 14 Điều này hoặc từ nguồn hydrogen quy định tại điểm a khoản này (sau đây gọi là amoniac xanh);”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 31 như sau:

“31. Hệ thống lưu trữ điện là hệ thống công trình, thiết bị có chức năng tích trữ điện năng, phát điện trở lại hệ thống điện hoặc cung cấp các dịch vụ phụ trợ và dịch vụ khác phục vụ vận hành hệ thống điện;”;

c) Bổ sung các khoản 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58 và khoản 59 vào sau khoản 51 như sau:

“52. Chứng chỉ năng lượng tái tạo (Renewable Energy Certificate, viết tắt theo tiếng Anh là REC) là chứng nhận điện tử xác nhận thuộc tính năng lượng tái

tạo của 01 MWh điện năng được sản xuất từ nguồn điện năng lượng tái tạo.

53. *Chương trình, dự án để thực hiện quy hoạch* là tập hợp các dự án điện lực được xác định trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch trong từng thời kỳ.

54. *Cơ chế chia sẻ rủi ro* là cơ chế phân bổ trách nhiệm và nghĩa vụ giữa Nhà nước, bên mua điện và nhà đầu tư đối với các rủi ro phát sinh trong quá trình đầu tư, xây dựng, vận hành dự án điện lực theo quy định của pháp luật.

55. *Giá công suất* là giá thanh toán cho khả năng sẵn sàng phát điện, khả năng sẵn sàng cung cấp dịch vụ truyền tải điện hoặc khả năng sẵn sàng cung cấp công suất của hệ thống lưu trữ điện nhằm bảo đảm an ninh cung cấp điện, ổn định hệ thống điện và thu hồi chi phí đầu tư cố định của dự án.

56. *Giá điện năng* là giá thanh toán theo sản lượng điện thực tế phát lên hệ thống điện hoặc sản lượng điện giao nhận theo hợp đồng.

57. *Mức lợi nhuận hợp lý* là mức lợi nhuận phù hợp với mức độ rủi ro của dự án, cơ cấu nguồn vốn, thời hạn đầu tư, chi phí sử dụng vốn, điều kiện thị trường và đặc điểm của từng loại hình nguồn điện, lưới điện và hệ thống lưu trữ điện.

58. *Nguồn điện hỗn hợp* là tổ hợp các nhà máy điện sản xuất điện năng từ nhiều nguồn năng lượng sơ cấp khác nhau hoặc kết hợp với hệ thống lưu trữ điện.

59. *Thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo* là thị trường để thực hiện các hoạt động phát hành, giao dịch mua bán và sử dụng Chứng chỉ năng lượng tái tạo, được quản lý theo quy định của Chính phủ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy điện hạt nhân, trừ nhà máy điện hạt nhân sử dụng công nghệ lò phản ứng hạt nhân mô-đun nhỏ; nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu; lưới điện truyền tải quan trọng theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Có cơ chế phát triển các dự án điện lực phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh trên cơ sở bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và an ninh tài chính quốc gia, bảo đảm lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 như sau:

“b) Có cơ chế huy động các dự án nhiệt điện sử dụng nguồn khí thiên nhiên trong nước tối đa theo khả năng cấp khí, đáp ứng các yêu cầu ràng buộc về nhiên liệu, công suất và sản lượng phát điện khả dụng của dự án nhiệt điện khí, nhu cầu và ràng buộc kỹ thuật của hệ thống điện quốc gia, bảo đảm hài hòa lợi ích tổng thể của quốc gia;”;

d) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 8 như sau:

“d) Có cơ chế huy động các nhà máy nhiệt điện khí hiện hữu sử dụng kết hợp nguồn khí thiên nhiên trong nước và khí thiên nhiên hóa lỏng nhập khẩu phù hợp với khả năng cấp khí thiên nhiên trong nước, các ràng buộc kỹ thuật của hệ thống cung cấp nhiên liệu trong hợp đồng cung cấp khí.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 9 như sau:

“b) Có cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển, ưu đãi, hỗ trợ đặc thù đối với từng loại hình nguồn điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; có cơ chế, chính sách đột phá phát triển điện gió ngoài khơi;

c) Có cơ chế quản lý và chính sách phát triển thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo phù hợp với từng thời kỳ phát triển.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 12 như sau:

“a) Bảo đảm phản ánh đầy đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh điện hợp lý, hợp lệ của đơn vị điện lực; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực thu hồi đầy đủ chi phí đầu tư, chi phí tài chính, chi phí vận hành hợp lý và có mức lợi nhuận phù hợp với mức độ rủi ro của từng loại hình dự án điện lực; bảo đảm khả năng huy động vốn cho phát triển điện lực, an ninh năng lượng quốc gia và phát triển bền vững hệ thống điện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Giá điện được hình thành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, phù hợp với cấp độ phát triển thị trường điện cạnh tranh và yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Trường hợp giá bán điện chưa kịp điều chỉnh để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội thì Nhà nước có cơ chế bù đắp chi phí hợp lý”;

g) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 12 như sau:

“d) Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý; từng bước xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng chưa tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh”;

h) Bổ sung điểm c vào sau điểm b của khoản 13 như sau:

“c) Ngân sách nhà nước hoặc các nguồn tài chính, quỹ hợp lệ, hợp pháp thực hiện hỗ trợ tiền điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện theo quy định của Chính phủ phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.”;

i) Bổ sung khoản 14 vào sau khoản 13 như sau:

“14. Về chính sách phát triển lưới điện thông minh và quản lý nhu cầu điện:

a) Phát triển lưới điện thông minh theo lộ trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Có cơ chế tài chính và cơ chế giá điện để khuyến khích các khách hàng sử dụng điện tham gia các chương trình quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm điện. Chi phí thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm điện được hạch toán

vào giá điện theo quy định của Chính phủ.”.

4. Bổ sung các khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 Điều 12 như sau:

“5. Nhà đầu tư dự án lưới điện truyền tải được áp dụng giá dịch vụ truyền tải theo quy định tại khoản 6 Điều 51 của Luật này và ký kết hợp đồng dịch vụ truyền tải với khách hàng sử dụng lưới điện truyền tải, trừ các trường hợp đầu tư lưới điện đấu nối đồng bộ trong phạm vi dự án đầu tư nguồn điện được xác định trong giá dịch vụ phát điện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này hoặc lưới điện kết nối riêng để mua bán điện trực tiếp theo quy định tại Điều 47 của Luật này;

6. Các dự án điện lực trong chương trình, dự án để thực hiện quy hoạch được sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hoạt động đầu tư công đối với các dự án điện lực thuộc đối tượng sử dụng vốn đầu tư công phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Chủ trương đầu tư dự án điện lực

1. Dự án điện lực thuộc chương trình, dự án để thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt mà nhà đầu tư có đề nghị Nhà nước giao khu vực biển (nếu có), giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Dự án điện hạt nhân;
- b) Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định của Luật Đầu tư;
- c) Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;
- d) Dự án nguồn điện có đề nghị Nhà nước giao khu vực biển, đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện tại khu vực có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh được xác định trong giai đoạn lập, phê duyệt chương trình, dự án để thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực.

2. Dự án không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này thì văn bản chấp thuận nhà đầu tư thay thế cho văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và là cơ sở để thực hiện: đăng ký quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, đất có mặt nước; giao khu vực biển; chuyển mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước; gia hạn, ưu đãi, chấm dứt và bảo đảm dự án đầu tư (nếu có); chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng và thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan.

3. Chính phủ quy định việc chấp thuận nhà đầu tư dự án điện lực không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại khoản 2 Điều này; quy định

việc điều chỉnh chấp thuận nhà đầu tư và trường hợp phải điều chỉnh chấp thuận nhà đầu tư.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Quy định đặc thù đầu tư xây dựng dự án, công trình điện lực cấp bách

1. Dự án, công trình điện lực cấp bách do doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định của Luật Doanh nghiệp làm chủ đầu tư được áp dụng một số quy định đặc thù đầu tư xây dựng sau đây:

a) Không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải bảo đảm nguyên tắc hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, đặc biệt là rừng tự nhiên khi xây dựng các dự án điện lực.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều này thay thế văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, quyết định điều chỉnh các quy hoạch khác liên quan thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (nếu có) và là cơ sở giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đối với dự án, công trình điện lực cấp bách có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều này đồng thời là văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp; quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải ghi rõ diện tích rừng cần chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự án;

b) Được bảo lãnh Chính phủ theo quy định của Luật Quản lý nợ công; được Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với doanh nghiệp và người có liên quan vượt quá giới hạn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; được miễn bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư;

c) Chủ đầu tư được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng, bao gồm: giao tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và các công việc cần thiết khác phục vụ xây dựng công trình; quyết định về trình tự thực hiện khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng; quyết định về việc giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu tiến độ công trình;

d) Sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thực hiện kiểm tra, đánh giá lại chất lượng công trình đã được xây dựng và thực hiện bảo hành công trình, hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình và lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng và quyết toán công trình theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về chất lượng công

trình, tiến độ thực hiện dự án, hiệu quả đầu tư, an toàn vận hành, bảo vệ môi trường và việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

e) Được áp dụng cơ chế quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này.

2. Chủ đầu tư dự án, công trình điện lực cấp bách không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này được áp dụng các quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e của khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền quyết định dự án, công trình điện lực cấp bách được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt danh mục dự án, công trình nguồn điện, lưới điện cấp bách quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật này trên cơ sở đánh giá, đề xuất của Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý quy hoạch được áp dụng các cơ chế đặc thù theo quy định tại Điều này, trừ dự án, công trình nguồn điện, lưới điện sử dụng vốn đầu tư công, dự án thuộc thẩm quyền Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư;

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định giao nhà đầu tư thực hiện dự án, công trình điện lực cấp bách quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Hợp đồng dự án điện lực đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chính phủ quy định tiêu chí các dự án nguồn điện và lưới điện đầu tư theo phương thức đối tác công tư phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2. Hợp đồng dự án nhà máy điện đầu tư theo phương thức đối tác công tư áp dụng loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) bao gồm các tài liệu theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các tài liệu sau đây:

a) Hợp đồng mua bán điện là thỏa thuận bằng văn bản giữa bên mua điện với bên bán điện là doanh nghiệp dự án;

b) Hợp đồng thuê đất là thỏa thuận bằng văn bản giữa bên cho thuê đất nơi có dự án với doanh nghiệp dự án (nếu có); quyết định giao khu vực biển (nếu có);

c) Hợp đồng cung cấp nhiên liệu trong nước là thỏa thuận bằng văn bản giữa bên cung cấp nhiên liệu trong nước với doanh nghiệp dự án (nếu có);

d) Hợp đồng chia sẻ cơ sở hạ tầng dùng chung là thỏa thuận bằng văn bản giữa bên đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung với doanh nghiệp dự án (nếu có);

đ) Văn bản do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký thay mặt Chính phủ nhằm bảo đảm đầu tư cho nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án (nếu có).

3. Hồ sơ hợp đồng dự án lưới điện truyền tải đầu tư theo phương thức đối tác công tư bao gồm các tài liệu theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương

thức đối tác công tư và hợp đồng dịch vụ truyền tải điện, trong đó hợp đồng dịch vụ truyền tải điện gồm một số nội dung chủ yếu sau đây: Tổng mức đầu tư; thời hạn hợp đồng; cơ chế thu hồi vốn đầu tư; cơ chế điều chỉnh giá; cơ chế phân bổ rủi ro; quyền và nghĩa vụ của các bên.

4. Cơ chế giá hợp đồng mua bán điện, giá dịch vụ truyền tải điện hoặc cơ chế thanh toán phù hợp của các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của Chính phủ nhằm bảo đảm:

- a) Vận hành an toàn, ổn định, liên tục hệ thống điện quốc gia;
- b) Cơ chế thanh toán, cơ chế doanh thu, cơ chế chia sẻ rủi ro và các cơ chế tài chính khác.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Các trường hợp dự án đầu tư kinh doanh điện lực sau đây không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

- a) Dự án đầu tư thuộc độc quyền của Nhà nước quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật này;
- b) Dự án thủy điện mở rộng, dự án cải tạo hoặc nâng cấp lưới điện do nhà đầu tư hiện hữu đề xuất;
- c) Dự án lưới điện, trừ lưới điện đấu nối đồng bộ thuộc phạm vi đầu tư dự án nguồn điện thuộc trường hợp quy định tại Điều 19 của Luật này và trường hợp quy định tại điểm d khoản này;
- d) Dự án cấp bách thực hiện lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này;
- đ) Dự án điện gió ngoài khơi theo quy định của Chính phủ;
- e) Các trường hợp theo quy định tại pháp luật khác có liên quan.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện lực

1. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định tại Điều này.

2. Trường hợp đấu thầu có tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá điện và thời hạn hợp đồng mua bán điện, Bên mua điện có trách nhiệm giao kết hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư trúng thầu trên cơ sở giá điện, thời hạn hợp đồng mua bán điện trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư trúng thầu.

3. Đối với từng loại hình dự án kinh doanh điện lực, Chính phủ quy định chi tiết nội dung sau đây:

- a) Trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ;
- b) Yêu cầu đặc thù của dự án đầu tư kinh doanh điện lực tại hồ sơ mời thầu

lựa chọn nhà đầu tư;

c) Việc đàm phán, giao kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư trúng thầu trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của các bên;

d) Tiêu chuẩn đánh giá và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực;

đ) Ưu tiên hoặc ưu đãi đối với nhà đầu tư đã thực hiện khảo sát tiềm năng phục vụ lập dự án đầu tư đối với từng loại hình dự án điện lực;

e) Cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực, trừ các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội;

g) Bên mua điện căn cứ theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Mọi hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên năng lượng tái tạo, năng lượng mới trên lãnh thổ Việt Nam phải được thực hiện dưới sự quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân được đầu tư hệ thống lưu trữ kết hợp với dự án nguồn điện theo quy định của Chính phủ; được đầu tư điện gió, điện mặt trời để sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh.”;

c) Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 như sau:

“7a. Nguyên tắc quản lý, phát triển thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo bao gồm:

a) Bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh, hiệu quả và phù hợp với cơ chế thị trường;

b) Chứng chỉ năng lượng tái tạo có thể được giao dịch, chuyển nhượng và sử dụng độc lập với hoạt động mua bán điện; việc chuyển giao Chứng chỉ năng lượng tái tạo cùng với giao dịch mua bán điện thực hiện theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật; một Chứng chỉ năng lượng tái tạo chỉ được sử dụng một lần để xác nhận thuộc tính năng lượng tái tạo;

c) Chứng chỉ năng lượng tái tạo là tài sản của tổ chức, cá nhân được cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật;

d) Thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo bao gồm các hoạt động đăng ký, chứng nhận, phát hành, giao dịch, chuyển nhượng, sử dụng và hủy chứng chỉ;

đ) Giá giao dịch Chứng chỉ năng lượng tái tạo được xác định theo cơ chế thị trường;

e) Quản lý thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo được thực hiện thông qua

hệ thống đăng ký và chứng nhận Chứng chỉ năng lượng tái tạo;

g) Chứng chỉ năng lượng tái tạo được công nhận và liên thông với thị trường quốc tế theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo quy định của Chính phủ.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau đây:

a) Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo kết hợp với hệ thống lưu trữ điện;

b) Cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc nguồn năng lượng sơ cấp và thống kê sản lượng điện của các nhà máy điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới;

c) Lộ trình phát triển thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo; các hình thức giao dịch; trình tự, thủ tục đăng ký, chứng nhận, phát hành, giao dịch, chuyển nhượng, sử dụng và hủy chứng chỉ;

d) Quản lý, giám sát hoạt động của thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo;

đ) Các nội dung khác liên quan đến phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới và hệ thống lưu trữ điện phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.”.

11. Bổ sung khoản 9, khoản 10 vào sau khoản 8 Điều 26 như sau:

“9. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau: Chi phí trong việc quản lý, giám sát, phát triển điện gió ngoài khơi; quy định việc khai thác, chia sẻ hạ tầng, thông tin, dữ liệu giữa điện gió ngoài khơi và các ngành có liên quan; quy định quyền ưu tiên của phía Việt Nam khi nhà đầu tư dự án điện gió ngoài khơi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, chuyển nhượng dự án; quy định trình tự đầu tư dự án điện gió ngoài khơi; quyền ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư đối với doanh nghiệp thực hiện khảo sát dự án điện gió ngoài khơi; điều kiện của nhà đầu tư thực hiện dự án điện gió ngoài khơi.

10. Chủ đầu tư dự án điện gió ngoài khơi có trách nhiệm lập kế hoạch, trích lập kinh phí để bảo đảm thực hiện tháo dỡ, thu dọn công trình thuộc dự án điện gió ngoài khơi theo quy định của Chính phủ. Nhà đầu tư dự án điện gió ngoài khơi phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư điện gió ngoài khơi theo quy định của Chính phủ.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc khảo sát phát triển điện gió ngoài khơi thực hiện theo quy định tại Luật này và phù hợp với quy định của pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, pháp luật về dầu khí, pháp luật về hàng hải, pháp luật về xây dựng; phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao thực hiện khảo sát theo quy định của Chính phủ;”;

c) Bổ sung khoản 4a, 4b, 4c vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Việc kiểm tra kết quả khảo sát phát triển dự án điện gió ngoài khơi được thực hiện như sau:

a) Kết quả khảo sát phát triển dự án điện gió ngoài khơi phải được giao nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Kết quả khảo sát phát triển dự án điện gió ngoài khơi phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và phê duyệt theo quy định. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan chủ trì được thuê chuyên gia, đơn vị tư vấn để phục vụ công tác kiểm tra và có trách nhiệm lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương liên quan trước khi phê duyệt;

c) Kinh phí kiểm tra kết quả khảo sát được hạch toán vào chi phí thực hiện khảo sát.

4b. Đơn vị trực tiếp thực hiện các hoạt động khảo sát phải là pháp nhân được thành lập, hoạt động theo pháp luật Việt Nam và đáp ứng điều kiện do Chính phủ quy định; được phép thuê tổ chức, cá nhân nước ngoài làm nhà thầu phụ để tham gia hoạt động khảo sát.

4c. Văn bản giao hoặc chấp thuận nhà đầu tư khảo sát dự án điện gió ngoài khơi là cơ sở để nhà đầu tư tổ chức, thực hiện khảo sát và thay thế văn bản giao khu vực biển.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Đối với lĩnh vực phát điện (bao gồm hệ thống lưu trữ điện), truyền tải điện, phân phối điện, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có hạng mục công trình, công trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng;

b) Có hạng mục công trình, công trình phát điện được xây dựng, lắp đặt phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh và các quyết định điều chỉnh (nếu có) trừ các trường hợp không thuộc phạm vi quy hoạch quy định tại khoản 5 Điều 10 của Luật này; tuân thủ quy định của pháp luật về biển, pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Có tài liệu quản lý an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực phát điện nhà máy thủy điện;

d) Có đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Đối với lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện, có đội ngũ kinh doanh đáp

ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và điều kiện duy trì hoạt động điện lực.”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 của Điều 32 như sau:

“a) Theo đề nghị của tổ chức khi có sự thay đổi một trong các nội dung của giấy phép hoạt động điện lực quy định từ khoản 1 đến khoản 4 tại Điều 34 Luật này;”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 của Điều 33 như sau:

“g) Hoạt động điện lực khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này và các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.”.

16. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 41 như sau:

“2a. Đối tượng mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh có nghĩa vụ chuyển đổi Hợp đồng mua bán điện phù hợp với cấp độ phát triển và thiết kế thị trường điện cạnh tranh theo quy định của Chính phủ.”.

17. Bổ sung điểm l vào sau điểm k khoản 1 Điều 42 như sau:

“l) Can thiệp thị trường điện.”.

18. Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 của Điều 44 như sau:

“4a. Bên mua điện trong hợp đồng bán buôn điện có trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng theo quy định của Chính phủ.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 như sau:

“3. Cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn, đơn vị bán lẻ điện và đơn vị phát điện; quy mô, điều kiện của đơn vị bán lẻ điện; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các bên liên quan khi tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

20. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi điểm b, c và điểm d khoản 2 như sau:

“b) Khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện và các nhu cầu khác theo kế hoạch của bên bán điện hoặc theo yêu cầu của bên mua điện hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong trường hợp để bảo đảm an toàn thi công các công trình phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, bên bán điện có trách nhiệm thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

c) Khi tổ chức, cá nhân liên quan có yêu cầu ngừng cấp điện để bảo đảm an toàn phục vụ thi công các công trình không thuộc quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thống nhất phạm vi ảnh hưởng của việc ngừng cấp điện với bên bán điện. Bên bán điện có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý tại địa phương thông qua phạm vi ảnh hưởng của việc ngừng cấp điện trước khi thực hiện và thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng

hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại các khoản 2, 4, 7, 8, 9 và khoản 11 Điều 9 của Luật này;”;

b) Bổ sung các điểm đ, e và điểm g vào sau điểm d khoản 2 như sau:

“đ) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật này;

e) Không thanh toán tiền điện quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này;

g) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện quy định tại khoản 2 Điều này; phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại.”.

21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 như sau:

“a) Giá hợp đồng mua bán điện được xác định trên cơ sở bảo đảm thu hồi đầy đủ chi phí đầu tư, chi phí tài chính, chi phí vận hành, chi phí nhiên liệu, các chi phí hợp lý, hợp lệ khác và mức lợi nhuận hợp lý theo quy định của pháp luật. Giá hợp đồng mua bán điện phải bảo đảm khả năng thu hồi vốn đầu tư và mức lợi nhuận hợp lý cho nhà đầu tư.

Giá hợp đồng mua bán điện và thời hạn hợp đồng mua bán điện do các bên thỏa thuận hoặc được xác định thông qua đấu thầu hoặc trong từng thời kỳ theo quy định khác của Chính phủ;

b) Giá hợp đồng mua bán điện xác định bởi các thành phần như sau: giá cố định; giá vận hành và bảo dưỡng; giá biến đổi và các thành phần giá khác. Nhà máy điện đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại Điều 16 Luật này thì giá hợp đồng mua bán điện bao gồm các thành phần như sau: giá công suất; giá vận hành và bảo dưỡng; giá điện năng và các thành phần giá khác;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e và điểm g khoản 1 như sau:

“e) Ngoài các cơ chế giá điện quy định tại Điều này, cơ chế giá điện hỗ trợ hoặc cơ chế khuyến khích đầu tư phù hợp đối với các dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, hệ thống lưu trữ điện, nguồn điện hỗn hợp và các loại hình điện lực khác theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ thực hiện theo quy định của Chính phủ;

g) Phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện, giá công suất, mức lợi nhuận hợp lý, thời hạn áp dụng giá và cơ chế điều chỉnh giá đối với từng loại hình nguồn điện, nguồn điện hỗn hợp và hệ thống lưu trữ điện thực hiện theo quy định của

Chính phủ.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Các loại hình nguồn điện quy định tại điểm e khoản 1 Điều này khi hết thời hạn áp dụng cơ chế giá điện hỗ trợ hoặc cơ chế khuyến khích đầu tư.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và phương pháp xác định khung giá phát điện; phê duyệt khung giá phát điện đối với từng loại hình nguồn điện, nguồn điện hỗn hợp theo quy định của Luật này và các loại hình không áp dụng khung giá phát điện thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chi phí lập, xây dựng, thẩm định và phê duyệt khung giá phát điện được sử dụng từ nguồn vốn chi thường xuyên, nguồn vốn chi theo quy định của pháp luật về đầu tư công và nguồn vốn hợp pháp khác.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Các nội dung sau đây thực hiện theo quy định của Chính phủ:

a) Phương pháp lập, hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt giá dịch vụ truyền tải điện, giá dịch vụ phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá dịch vụ lưu trữ điện, giá dịch vụ lưu trữ năng lượng, giá dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện và giá dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực, mức lợi nhuận hợp lý, thời hạn áp dụng giá và cơ chế điều chỉnh giá đối với từng loại hình dịch vụ về điện;

b) Phương pháp lập, hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt giá dịch vụ truyền tải điện do các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư xây dựng.”.

22. Bổ sung điểm đ, điểm e vào sau điểm d khoản 4 của Điều 52 như sau:

“đ) Thay đổi nhiên liệu; chuyển đổi từ hình thức hợp đồng mua bán điện sang hình thức hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện hoặc ngược lại;

e) Các nội dung khoản này thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

23. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 Điều 76 như sau:

“c) Trường hợp công trình thủy điện thuộc phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có địa bàn đặt hồ chứa thủy điện là cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện; trường hợp hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có địa bàn đặt hạng mục nhà máy thủy điện là cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện sau khi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khác có liên quan.”.

24. Bổ sung một số từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Bổ sung cụm từ “và thời gian áp dụng; nguyên tắc bù đắp giá cố định khi tham gia thị trường điện cạnh tranh” vào sau cụm từ “sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn” tại khoản 2 Điều 12;

b) Bổ sung cụm từ “, đảo” vào sau cụm từ “trên vùng biển” tại khoản 5 Điều 20;

c) Bổ sung cụm từ “và thiết kế,” vào sau cụm từ “lộ trình phát triển”, cụm từ “Điều 38” vào sau cụm từ “khoản 11 Điều 5 của Luật này,” tại khoản 3 Điều 39;

đ) Bổ sung cụm từ “đơn vị bán lẻ điện” vào sau cụm từ “khách hàng sử dụng điện lớn,” tại tên Điều 47, đoạn mở đầu khoản 1, đoạn mở đầu khoản 2 Điều 47;

e) Bổ sung cụm từ “về thời điểm bên bán điện có quyền ngừng cấp điện. Thời điểm bên bán điện bắt đầu có quyền ngừng cấp điện” vào sau cụm từ “hai bên tự thỏa thuận và ghi rõ trong hợp đồng mua bán điện” tại khoản 4 Điều 48;

g) Bổ sung từ “mức” vào trước cụm từ “cung cấp điện” tại đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 49;

h) Bổ sung cụm từ “và áp dụng giá bán lẻ điện giờ cao điểm, thấp điểm và bình thường với khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép.” vào cuối điểm b khoản 1 Điều 50;

i) Bổ sung cụm từ “lộ trình áp dụng giá bán lẻ điện giờ cao điểm, thấp điểm và bình thường cho nhóm khách hàng sinh hoạt khi điều kiện kỹ thuật cho phép;” vào cuối điểm c khoản 3 Điều 50;

k) Bổ sung cụm từ “; phê duyệt khung giá bán buôn điện do đơn vị điện lực xây dựng và trình” vào cuối điểm d khoản 3 Điều 50;

l) Bổ sung từ “duy trì” vào sau từ “Bảo đảm” tại điểm b khoản 2 Điều 58;

m) Bổ sung từ “chủ động” vào sau cụm từ “ổn định, tin cậy,” tại điểm a khoản 2 Điều 59;

n) Bổ sung cụm từ “, khoản 2” vào sau cụm từ “khoản 1” tại khoản 8 Điều 78.

25. Thay thế một số từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Thay thế cụm từ “thiết bị đo đếm điện” bằng cụm từ “phương tiện đo đếm điện” tại khoản 50 Điều 4;

b) Thay thế cụm từ “cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng theo quy định của Luật Quản lý nợ công” bằng cụm từ “thực hiện phương thức cho vay lại theo quy định của Luật Quản lý nợ công” tại khoản 5 Điều 5;

c) Thay thế từ “phương án” bằng từ “phương hướng” tại tên của Chương II, Điều 10 và điểm b khoản 2 Điều 61;

d) Thay thế từ “khẩn cấp” bằng từ “cấp bách” tại Điều 14 và điểm e khoản 1 Điều 33;

đ) Thay thế cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” bằng từ “được” tại điểm a khoản 3 Điều 27;

e) Thay thế từ “tiến tới” bằng từ “từng bước” tại điểm d khoản 2 Điều 39;

g) Thay thế cụm từ “từng cấp độ phát triển của” bằng cụm từ “lộ trình phát triển và thiết kế” tại khoản 2 Điều 40;

h) Thay thế cụm từ “quy định chi tiết khoản 1 Điều này phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh” bằng cụm từ “quy định nguyên

tắc vận hành thị trường điện cạnh tranh và các quy định chi tiết khoản 1 Điều này phù hợp với lộ trình phát triển và thiết kế thị trường điện cạnh tranh.” tại khoản 2 Điều 42;

i) Thay thế cụm từ “nhưng không vượt quá 10 ngày kể từ ngày bên bán điện có thông báo đầu tiên” bằng cụm từ “không vượt quá 10 ngày kể từ ngày bên bán điện có thông báo đầu tiên.” và cụm từ “Bên bán điện phải thông báo” bằng cụm từ “Kể từ thời điểm đã được thỏa thuận này, bên bán điện có quyền thực hiện ngừng cấp điện nhưng phải thông báo” tại khoản 4 Điều 48;

k) Thay thế cụm từ “đo điện năng” bằng cụm từ “đo đếm điện” tại điểm d khoản 1, khoản 5 và khoản 7 Điều 48, khoản 3 Điều 56, điểm d khoản 1 Điều 63 và điểm e khoản 2 Điều 66;

l) Thay thế từ “giảm” bằng cụm từ “xóa bỏ” tại điểm c khoản 3 Điều 50;

m) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định” bằng cụm từ “Chính phủ quy định” tại khoản 8 Điều 51;

n) Thay thế cụm từ “đo đếm điện năng” bằng cụm từ “đo đếm điện” tại khoản 4 Điều 53;

o) Thay thế từ “phê duyệt” bằng từ “ban hành” tại khoản 4 Điều 54;

p) Thay thế từ “Điều hòa” bằng từ “Điều hành” tại điểm b khoản 2 Điều 65;

q) Thay thế cụm từ “chủ đầu tư” thành cụm từ “chủ sở hữu” tại khoản 4 Điều 75;

r) Thay thế cụm từ “phương án bảo vệ công trình thủy điện” thành cụm từ “phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện” tại khoản 3 và khoản 4 của Điều 78;

s) Thay thế cụm từ “83/2015/QH13” bằng cụm từ “82/2015/QH13” tại khoản 2 Điều 79.

26. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều, từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “theo quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực” tại khoản 4 Điều 5;

b) Bãi bỏ cụm từ “Trường hợp điện dư được phát vào lưới điện trung áp, hạ áp quốc gia, giá phát điện dư thực hiện theo quy định của Chính phủ.” tại khoản 3 Điều 17;

c) Bãi bỏ cụm từ “Thủ tướng Chính phủ,” tại khoản 2 Điều 22;

d) Bãi bỏ cụm từ “khoản 4” và cụm từ “, thanh toán chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng dự án” tại khoản 5 Điều 27;

đ) Bãi bỏ cụm từ “giảm dần,” và cụm từ “, giữa vùng, miền” tại điểm d khoản 2 Điều 39;

e) Bãi bỏ cụm từ “giữa bên bán điện và bên mua điện” tại điểm b khoản 2 Điều 41;

g) Bãi bỏ cụm từ “chiến lược mua bán điện với nước ngoài” và “và kế hoạch thực hiện quy hoạch” tại khoản 8 Điều 46;

h) Bãi bỏ cụm từ “Thời điểm bên bán điện có quyền ngừng cấp điện do” tại khoản 4 Điều 48;

i) Bãi bỏ cụm từ “cơ chế giá điện phù hợp cho các nhóm khách hàng sử dụng điện quy định tại khoản 12 Điều 5 của Luật này;” tại điểm c khoản 3 Điều 50;

k) Bãi bỏ cụm từ “xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ” và cụm từ “, cơ chế tài chính” tại khoản 4 Điều 54;

l) Bãi bỏ cụm từ “, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực” tại điểm c khoản 2 Điều 60;

m) Bãi bỏ cụm từ “kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện;” tại điểm b khoản 2 Điều 61;

n) Bãi bỏ cụm từ “, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện” tại điểm a khoản 5 Điều 76;

o) Bãi bỏ điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 3; khoản 45 Điều 4; điểm đ và điểm h khoản 12 Điều 5; Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 14; Điều 28; Điều 29; điểm c khoản 1 Điều 32; khoản 7 Điều 46; điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 51; khoản 2 Điều 70.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 202...

2. Các nội dung tại các điều từ Điều 8 đến Điều 10, Điều 12; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 13 của Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Thay thế đoạn “Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hoá, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hoá lỏng cho sản xuất điện” bằng đoạn “Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện (áp dụng cho các công trình tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí độc lập, tách riêng khỏi các nhà máy điện)” tại Mục 2 Phụ lục số 02 của Luật Giá số 16/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 44/2024/QH15 và khoản 3 Điều 79 Luật Điện lực số 61/2024/QH15.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư kinh doanh điện lực thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15, Nghị quyết số 253/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết đã phê duyệt hồ sơ mời thầu và phát hành hồ sơ mời thầu trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì giá dịch vụ phát điện đề xuất của nhà đầu tư trúng thầu được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật này có hiệu lực.

2. Dự án đầu tư xây dựng lưới điện thuộc đối tượng áp dụng theo Điều 5,

khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 253/2025/QH15 tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 253/2025/QH15. Sau khi Nghị quyết số 253/2025/QH15 hết hiệu lực thì áp dụng theo các quy định tại khoản 5 và khoản 8 Điều 1 của Luật này.

3. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, dự án điện gió ngoài khơi đã được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 253/2025/QH15 tiếp tục thực hiện theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi hợp lệ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 253/2025/QH15 đã được tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được lựa chọn tiếp tục xử lý theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 253/2025/QH15 hoặc theo quy định tại Luật này. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

4. Dự án điện lực đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15.

5. Đơn vị điện lực đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép hoạt động điện lực đó; trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực.

6. Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ đến cơ quan cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động điện lực thì áp dụng Luật Điện lực số 61/2024/QH15 để cấp giấy phép. Trường hợp tổ chức đề nghị thực hiện cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và Luật này để cấp giấy phép hoạt động điện lực.

7. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng cơ sở lưu trú du lịch tiếp tục được thực hiện theo quy định của pháp luật được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi có quy định khác sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế phù hợp với lộ trình xóa bỏ bù chéo giá điện.

8. Nhà máy điện thủy điện nhỏ đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và thuộc danh mục quy hoạch phát triển điện lực quốc gia hoặc danh mục trong phương án cấp điện của quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tiếp tục áp dụng cơ chế biểu giá chi phí tránh được theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Luật Điện lực số 61/2024/QH15 cho đến khi hết thời hạn hợp đồng mua bán điện hoặc đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật.

9. Dự án đầu tư kinh doanh điện lực thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 8, khoản 10 và khoản 19 Điều 24 của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 đã được tiếp nhận hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư hợp lệ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp



nhà đầu tư đề xuất thực hiện theo quy định tại Luật này.

10. Quy định về giao khu vực biển để thực hiện khảo sát dự án điện gió ngoài khơi thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện khảo sát dự án điện gió ngoài khơi được tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xử lý theo quy định pháp luật tại thời điểm tiếp nhận;

b) Văn bản giao khu vực biển để thực hiện khảo sát dự án điện gió ngoài khơi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục có hiệu lực pháp lý đến hết thời hạn ghi trong văn bản đó;

c) Nhà đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để thực hiện khảo sát dự án điện gió ngoài khơi tiếp tục thực hiện khảo sát đến hết thời hạn quy định tại văn bản giao khu vực biển, trường hợp gia hạn thời gian khảo sát hoặc thay đổi vị trí, diện tích khu vực biển hoặc việc khảo sát trên thực tế phát sinh việc điều chỉnh các nội dung khác tại văn bản giao khu vực biển thì thực hiện theo quy định pháp luật về biển, tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

11. Dự án điện gió ngoài khơi thuộc đối tượng áp dụng của Điều 11 Nghị quyết số 253/2025/QH15 tiếp tục thực hiện theo Điều 11 Nghị quyết số 253/2025/QH15; kể từ ngày Nghị quyết số 253/2025/QH15 hết hiệu lực thi hành, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư dự án này thực hiện theo quy định tại Luật này.

Trường hợp nhà đầu tư đề xuất thực hiện theo quy định tại Luật này, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Luật này có hiệu lực, nhà đầu tư thực hiện nộp bổ sung tài liệu theo quy định của Luật này và văn bản quy định chi tiết, thi hành Luật này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện.

12. Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, khi điều chỉnh dự án đầu tư không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư; trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu điều chỉnh thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn